

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2026/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 19 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Căn cứ Luật Viên chức số 58/2010/QH12 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức số 52/2019/QH14;

Căn cứ Luật Thủ đô số 39/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Chính phủ);

Căn cứ Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2021 của Chính phủ quy định về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật;

Căn cứ Nghị định số 170/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 7806/TTr-SNV ngày 24/12/2025 về việc ban hành quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thành phố Hà Nội;

Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định về việc ban hành quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thành phố Hà Nội.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thành phố Hà Nội.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 01 năm 2026.

2. Các quyết định, quy định sau đây hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành:

a) Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức thành phố Hà Nội.

b) Các nội dung quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 4, khoản 4 Điều 8, khoản 5 Điều 11, khoản 6 Điều 14, khoản 6 Điều 17, khoản 6 Điều 20, điểm a khoản 4 Điều 23, khoản 6 Điều 26, khoản 7 Điều 33 Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; cán bộ, công chức, viên chức; cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Đức Tuấn

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số 11/2026/QĐ-UBND)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong các tổ chức hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các đối tượng khác theo các chương trình, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Tổ chức hành chính

a) Ủy ban nhân dân Thành phố;

b) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố; Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp thành phố Hà Nội; Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội; Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội (gọi chung là sở);

c) Văn phòng, phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc sở (gọi chung là phòng cấp sở); chi cục và tổ chức tương đương thuộc sở (gọi chung là chi cục);

d) Phòng và tương đương thuộc chi cục (gọi chung là phòng cấp chi cục);

đ) Ủy ban nhân dân xã, phường (gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã);

e) Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã (gọi chung là phòng cấp xã).

2. Đơn vị sự nghiệp công lập

a) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

- b) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở;
- c) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc chi cục thuộc Sở;
- d) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;
- đ) Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Cá nhân

- a) Cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong các cơ quan, đơn vị nêu tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này;
- b) Đối tượng khác theo các chương trình, đề án, kế hoạch được cơ quan có thẩm quyền giao và phê duyệt.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý

1. Công tác đào tạo, bồi dưỡng phải bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, hiệu quả, tiết kiệm, tránh hình thức; có trọng tâm, trọng điểm, nội dung đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; bảo đảm quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

2. Đào tạo, bồi dưỡng phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chuẩn quy hoạch chức danh, gắn với công tác bố trí, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và nhu cầu xây dựng, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị.

3. Thực hiện phân cấp trong tổ chức bồi dưỡng đảm bảo thống nhất, hiệu quả theo đúng quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước và phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Thành ủy; đồng thời thường xuyên theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc tổ chức thực hiện. Phát huy tính chủ động, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu, của từng cơ quan, đơn vị, địa phương trong quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

4. Tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ, trí tuệ nhân tạo và đẩy mạnh chuyển đổi số trong đào tạo, bồi dưỡng đối với cán bộ, công chức, viên chức.

5. Nâng cao ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức về tự nghiên cứu, tự học tập và lựa chọn chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ.

Điều 4. Nội dung quản lý đào tạo, bồi dưỡng

1. Xây dựng chương trình, đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thuộc thẩm quyền quản lý hằng năm và giai đoạn.
2. Tổ chức thực hiện các nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác theo chương trình, đề án, kế hoạch được cấp có thẩm quyền giao và phê duyệt.
3. Kiểm tra, đánh giá hiệu quả việc thực hiện các nội dung quản lý đào tạo, bồi dưỡng.

Chương II

QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

Điều 5. Trách nhiệm và phân cấp quản lý đào tạo

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố Quyết định phê duyệt Kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng khác theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố; yêu cầu phát triển ngành, lĩnh vực; yêu cầu của Đề án, chiến lược, chương trình mục tiêu quốc gia.
2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố
 - a) Quyết định danh mục các ngành, lĩnh vực ưu tiên đào tạo hằng năm và theo giai đoạn;
 - b) Quyết định cử, gia hạn thời gian học tập đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đi đào tạo sau đại học trong nước và ở nước ngoài sau khi có ý kiến của Thường trực Thành ủy và theo phân cấp quản lý cán bộ;
 - c) Quyết định cử, gia hạn thời gian học tập đối với công chức không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài.
3. Trách nhiệm của Sở Nội vụ
 - a) Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch đào tạo; tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch đào tạo, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp dự toán kinh phí đào tạo báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt;
 - b) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành danh mục các ngành, lĩnh vực ưu tiên đào tạo hằng năm và giai đoạn;
 - c) Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy xin ý kiến Thường trực Thành ủy đối với đối tượng là cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy theo thẩm quyền quản lý trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử đi đào tạo trong nước và ở nước ngoài;

d) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử, gia hạn thời gian học tập đối với cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý đi đào tạo trong nước và ở nước ngoài;

đ) Báo cáo Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố cho ý kiến về việc cử, gia hạn thời gian học tập đối với cán bộ diện Đảng ủy Ủy ban nhân dân Thành phố quản lý đi đào tạo trong nước và ở nước ngoài, làm cơ sở để ban hành Quyết định theo thẩm quyền;

e) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử, gia hạn thời gian học tập đối với công chức đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài (bằng nguồn ngân sách nhà nước và không bằng nguồn ngân sách nhà nước);

g) Theo dõi, tổng hợp công chức, viên chức được cử đi đào tạo sau đại học trong nước bằng nguồn ngân sách Thành phố; viên chức đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài (bằng nguồn ngân sách nhà nước và không bằng nguồn ngân sách nhà nước);

h) Hướng dẫn, thẩm định các chỉ tiêu đào tạo sau đại học bằng nguồn ngân sách Thành phố của các cơ quan, đơn vị.

i) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức; k) Tổng hợp kết quả đào tạo của cán bộ, công chức, viên chức, báo cáo Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Trách nhiệm của sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hằng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Nội vụ, xây dựng kế hoạch đào tạo cán bộ, công chức, viên chức, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố theo thẩm quyền;

b) Rà soát, tổng hợp nhu cầu đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý, gửi Sở Nội vụ để thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt hoặc ban hành Quyết định phê duyệt theo phân cấp và thẩm quyền;

c) Quyết định cử, gia hạn thời gian học tập đối với công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học trong nước bằng nguồn ngân sách Thành phố; viên chức đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài (bằng nguồn ngân sách nhà nước và không bằng nguồn ngân sách nhà nước) theo thẩm quyền: Giám đốc sở ban hành Quyết định cử công chức không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố ban hành Quyết định cử viên chức thuộc đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định cử công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã; gửi Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp;

d) Quyết định cử, gia hạn thời gian học tập đối với công chức, viên chức đi đào tạo sau đại học trong nước không bằng nguồn ngân sách Thành phố: Giám đốc sở ban hành Quyết định cử công chức không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở hoặc ủy quyền cho người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở ban hành Quyết định đối với viên chức thuộc đơn vị; Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố ban hành Quyết định cử viên chức thuộc đơn vị; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành Quyết định cử công chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã, viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã;

đ) Theo dõi, đánh giá, tổng hợp kết quả thực hiện công tác đào tạo sau đại học, kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Nội vụ) khó khăn, vướng mắc và đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết.

Điều 6. Yêu cầu về đào tạo sau đại học

1. Đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức nhằm nâng cao trình độ, chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng yêu cầu xây dựng phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao của cơ quan, đơn vị.

2. Các ngành, lĩnh vực đào tạo phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố, thuộc danh mục các ngành, lĩnh vực ưu tiên đào tạo hằng năm, giai đoạn do Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

3. Việc đào tạo sau đại học đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện theo quy định của pháp luật về giáo dục và đào tạo.

Điều 7. Điều kiện cử đi đào tạo sau đại học

1. Đối với cán bộ, công chức: Thực hiện theo Điều 5 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

2. Đối với viên chức: Thực hiện theo khoản 2, khoản 3 Điều 6 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 8. Hồ sơ đào tạo sau đại học

1. Hồ sơ cử đi đào tạo sau đại học trong nước

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức;

b) Đơn đăng ký đi học sau đại học;

c) Đề nghị hưởng kinh phí hỗ trợ và cam kết phục vụ cho Thành phố sau khi hoàn thành khóa đào tạo có xác nhận của cơ quan, đơn vị công tác (trường hợp cử đi đào tạo bằng nguồn ngân sách Thành phố);

d) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành của pháp luật;

đ) Thông báo nhập học hoặc quyết định trúng tuyển;

e) Bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ hoặc văn bản có giá trị tương đương hoặc bản sao “Công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp” để sử dụng tại Việt Nam;

g) Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào ngạch (nếu có), quyết định về lương gần nhất;

h) Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo.

2. Hồ sơ cử đi đào tạo sau đại học ở nước ngoài

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị sử dụng cán bộ, công chức, viên chức;

b) Đơn xin đi đào tạo ở nước ngoài có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

c) Bản cam kết công tác tại cơ quan, đơn vị sử dụng, cán bộ, công chức, viên chức sau khi hoàn thành khóa đào tạo;

d) Sơ yếu lý lịch có xác nhận của thủ trưởng cơ quan, đơn vị theo quy định hiện hành của pháp luật;

đ) Bản sao quyết định tuyển dụng, quyết định bổ nhiệm vào ngạch (nếu có), quyết định về lương gần nhất;

e) Văn bản mời tham gia khoá đào tạo ở nước ngoài hoặc bản dịch sang tiếng Việt trường hợp ngôn ngữ của văn bản mời tham gia là tiếng nước ngoài;

g) Kết quả đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 02 năm liên tục liền kề trước thời điểm được cử đi đào tạo sau đại học.

3. Cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo chịu trách nhiệm về tính pháp lý đối với hồ sơ của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo.

4. Hồ sơ điện tử thực hiện theo Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về ban hành Quy chế tiếp nhận, xử lý, phát hành và quản lý văn bản điện tử giữa các cơ quan, tổ chức thuộc thành phố Hà Nội.

Điều 9. Đền bù chi phí đào tạo sau đại học

1. Đối với cán bộ, công chức: Thực hiện theo Điều 6, Điều 7, Điều 8 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức.

2. Đối với viên chức: Thực hiện theo Điều 7, Điều 8, Điều 9 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 10. Hoạt động của Hội đồng xét đền bù; quyết định đền bù và trả, thu hồi chi phí đền bù

1. Đối với công chức: Thực hiện theo Điều 9, Điều 11, Điều 12 và Điều 13 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP.

2. Đối với cán bộ, viên chức: Thực hiện theo Điều 10, Điều 12, Điều 13 và Điều 14 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP.

Điều 11. Gia hạn thời gian học tập

1. Việc gia hạn thời gian học tập ở nước ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 86/2021/NĐ-CP ngày 25/9/2021 của Chính phủ quy định về việc công dân Việt Nam ra nước ngoài học tập, giảng dạy, nghiên cứu khoa học và trao đổi học thuật.

2. Đối với đào tạo sau đại học trong nước, thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ; thời gian đào tạo thạc sĩ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ.

Chương III**QUẢN LÝ BỒI DƯỠNG****Điều 12. Trách nhiệm và phân cấp quản lý bồi dưỡng**

1. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Trình Hội đồng nhân dân Thành phố phân bổ ngân sách Thành phố đối với công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác theo quy định;

b) Quyết định phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch và dự toán kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng khác hằng năm và giai đoạn theo yêu cầu của chương trình mục tiêu quốc gia, đề án, chiến lược phát triển ngành, lĩnh vực và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố;

c) Quyết định quản lý, phê duyệt và sử dụng các chương trình, tài liệu bồi dưỡng ở nước ngoài theo yêu cầu vị trí việc làm và chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao;

d) Quyết định giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ đối với công chức thuộc ngành, lĩnh vực và thuộc thẩm quyền quản lý đối với các chương trình bồi dưỡng ở nước ngoài.

2. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Quyết định cử cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tham dự các lớp bồi dưỡng trong nước và ở nước ngoài;

b) Quyết định cử công chức (không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý) tham dự các lớp bồi dưỡng ở nước ngoài.

3. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng kế hoạch bồi dưỡng; tổng hợp chỉ tiêu kế hoạch kế hoạch bồi dưỡng báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt; phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp dự toán kinh phí bồi dưỡng báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố phê duyệt.

b) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố chương trình, đề án, kế hoạch bồi dưỡng theo ngành, lĩnh vực và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của Thành phố;

c) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm và chương trình bồi dưỡng khác do cấp có thẩm quyền giao đối với các chương trình bồi dưỡng ở nước ngoài;

d) Phối hợp với Ban Tổ chức Thành ủy xin ý kiến Thường trực Thành ủy đối với đối tượng là cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy được cử đi bồi dưỡng trong nước và ở nước ngoài trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định;

đ) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý tham dự các lớp bồi dưỡng trong nước và ở nước ngoài;

e) Tham mưu, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định cử công chức tham dự các lớp bồi dưỡng ở nước ngoài (bằng nguồn ngân sách nhà nước và không bằng nguồn ngân sách nhà nước);

g) Tổ chức thực hiện các chương trình bồi dưỡng do Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố giao nhiệm vụ;

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị khảo sát xác định nhu cầu bồi dưỡng (bao gồm: bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước đối với chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương; lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp sở và tương đương; lãnh đạo, quản lý cấp phòng ở cấp xã; bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ);

i) Theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Khen thưởng và đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện công tác bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;

k) Tổng hợp kết quả bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức gửi Bộ Nội vụ và Ủy ban nhân dân Thành phố.

4. Trách nhiệm của sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố

a) Hằng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Nội vụ, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố theo thẩm quyền;

b) Căn cứ Quyết định phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch bồi dưỡng của Ủy ban nhân dân Thành phố, xây dựng kế hoạch của cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện. Trường hợp phát sinh nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao, cần điều chỉnh về chỉ tiêu bồi dưỡng (trong phạm vi dự toán được giao), cơ quan, đơn vị chủ động triển khai thực hiện, đồng thời gửi Sở Nội vụ theo dõi. Sở Nội vụ tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt điều chỉnh chỉ tiêu bồi dưỡng trước ngày 15/11 hằng năm. Trường hợp trong năm thay đổi chỉ tiêu bồi dưỡng làm vượt dự toán được giao, các cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ và Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định;

c) Đối với các chương trình bồi dưỡng ở nước ngoài theo vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt, gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt trước khi tổ chức thực hiện;

d) Quyết định phê duyệt chương trình bồi dưỡng trong nước theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân Thành phố trước khi đưa vào sử dụng, gửi Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp;

đ) Đề nghị cử cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền đi bồi dưỡng ở nước ngoài; gửi Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định;

e) Quyết định cử công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng trong nước do Trung ương và Thành phố tổ chức theo thẩm quyền: Giám đốc sở ban hành Quyết định cử công chức không thuộc diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố ban hành Quyết định cử viên chức thuộc đơn vị;

g) Quyết định cử viên chức tham dự các lớp bồi dưỡng ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Thành phố theo thẩm quyền: Giám đốc sở ban hành Quyết định cử viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc sở; Người đứng đầu các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Thành phố ban hành Quyết định cử viên chức thuộc đơn vị;

h) Phối hợp với cơ sở bồi dưỡng, cơ quan có liên quan quản lý, theo dõi tình hình công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị tham gia các lớp bồi dưỡng;

i) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Nội vụ) các khó khăn, vướng mắc để kịp thời giải quyết.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Hằng năm, trên cơ sở hướng dẫn của Sở Nội vụ, xây dựng kế hoạch bồi dưỡng, gửi Sở Nội vụ để tổng hợp;

b) Báo cáo Hội đồng nhân dân cấp xã phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch và dự toán kinh phí bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng khác hằng năm và giai đoạn để tổ chức thực hiện theo nguồn ngân sách địa phương, đồng thời gửi Sở Nội vụ (để theo dõi), Sở Tài chính (để tổng hợp). Sau khi được phê duyệt chỉ tiêu kế hoạch và dự toán kinh phí, xây dựng kế hoạch triển khai trong Quý I hằng năm.

c) Trên cơ sở nội dung chương trình bồi dưỡng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, tổ chức thực hiện bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng giải quyết công việc cho cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác, phù hợp với đặc điểm, tình hình của địa phương;

d) Đề nghị cử cán bộ diện Ban Thường vụ Thành ủy quản lý, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền đi bồi dưỡng ở nước ngoài; gửi Sở Nội vụ thẩm định, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định hoặc Sở Nội vụ quyết định theo thẩm quyền;

đ) Phối hợp với cơ sở bồi dưỡng, cơ quan có liên quan quản lý, theo dõi tình hình cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan, đơn vị tham gia các lớp bồi dưỡng;

e) Tổ chức kiểm tra việc thực hiện công tác bồi dưỡng công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Nội vụ) các khó khăn, vướng mắc để kịp thời giải quyết .

6. Trách nhiệm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Quyết định cử công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong nước theo kế hoạch của Trung ương và Thành phố đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Quyết định cử viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã tham dự các lớp bồi dưỡng ở nước ngoài bằng nguồn ngân sách Thành phố.

Điều 13. Nội dung, chương trình, tài liệu bồi dưỡng

1. Nội dung bồi dưỡng

a) Lý luận chính trị;

b) Kiến thức quốc phòng và an ninh;

c) Kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước;

d) Kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu vị trí việc làm;

đ) Kiến thức khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số.

2. Biên soạn, thẩm định chương trình, tài liệu bồi dưỡng

a) Đối với các chương trình, tài liệu bồi dưỡng cho cán bộ, công chức thực hiện theo Điều 18, Điều 19 Nghị định số 171 /2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức;

b) Đối với các chương trình, tài liệu bồi dưỡng cho viên chức thực hiện theo Điều 20, Điều 21 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức (sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 10/12/2021 của Chính phủ).

3. Phê duyệt chương trình tài liệu bồi dưỡng

Chương trình, tài liệu bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm; chương trình, tài liệu bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở phê duyệt theo phân cấp thẩm quyền trước khi đưa vào sử dụng (trừ trường hợp tài liệu đã được cấp có thẩm quyền ban hành).

Chương IV**KINH PHÍ, QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐƯỢC CỬ ĐI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG****Điều 14. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng**

1. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác Thành phố Hà Nội thực hiện theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ; khoản 12, Điều 1 Nghị định số 89/2021/NĐ-CP ngày 18/10/2021 của Chính phủ; Điều 32 Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ; Thông tư số 100/2025/TTBTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức và các quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố.

2. Việc lập, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC ngày 28/10/2025 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

Điều 15. Quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng trong nước:

- a) Được cơ quan quản lý, sử dụng bố trí thời gian và kinh phí theo quy định;
- b) Được tính thời gian đào tạo, bồi dưỡng vào thời gian công tác liên tục;
- c) Được hưởng các chế độ, phụ cấp theo quy định của pháp luật;

d) Được biểu dương, khen thưởng về kết quả xuất sắc trong đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả học tập hàng năm là một trong những tiêu chuẩn để đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và bình xét thi đua, khen thưởng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài được hưởng quyền lợi theo quy định của pháp luật và quy chế của cơ quan, đơn vị.

3. Cán bộ, công chức, viên chức là nữ, là người dân tộc thiểu số, ngoài những quyền lợi được hưởng theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật về bình đẳng giới và công tác dân tộc.

Điều 16. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo, bồi dưỡng

1. Thực hiện các quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.
2. Không ngừng tự nghiên cứu, tự học tập và chủ động lựa chọn các chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp để tự nâng cao trình độ, năng lực thực thi nhiệm vụ.
3. Công chức lãnh đạo, quản lý bắt buộc phải hoàn thành chương trình bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước sau khi bổ nhiệm vào vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định bổ nhiệm có hiệu lực.
4. Công chức tham gia học các chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của cơ quan quản lý công chức bảo đảm thời gian thực hiện tối thiểu 01 tuần (40 tiết)/năm.
5. Thực hiện chương trình bồi dưỡng theo yêu cầu vị trí việc làm bảo đảm thời gian thực hiện tối thiểu hằng năm theo quy định.
6. Thực hiện quy chế đào tạo, bồi dưỡng và chịu sự quản lý của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng trong thời gian tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng; đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ học tập theo quy định.
7. Báo cáo kết quả học tập trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc chương trình đào tạo, bồi dưỡng áp dụng đối với đào tạo hoặc bồi dưỡng ở nước ngoài.
8. Thực hiện cam kết về thực hiện nhiệm vụ, công vụ tại cơ quan, đơn vị cử đi đào tạo sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và thực hiện quy định về đền bù chi phí đào tạo.

Chương V**TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 17. Các sở, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố, Ủy ban nhân dân cấp xã**

1. Tổ chức triển khai, thực hiện các nội dung về quản lý đào tạo, bồi dưỡng tại Quy định này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân Thành phố về kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng theo quy định và thẩm quyền được phân cấp.
2. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ (Báo cáo 6 tháng gửi trước ngày 15/7 hằng năm, báo cáo năm gửi trước ngày 15/01 năm tiếp theo) và đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng; gửi Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Nội vụ và cấp có thẩm quyền.

Điều 18. Sở Nội vụ

Hướng dẫn thực hiện Quy định này; thường xuyên theo dõi, kiểm tra; báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố việc thực hiện quy định quản lý đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Điều 19. Sở Tài chính

1. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan, tổng hợp nhu cầu kinh phí và phân bổ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác thành phố Hà Nội, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trình Hội đồng nhân dân Thành phố theo quy định.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Những nội dung liên quan đến công tác đào tạo, bồi dưỡng không quy định tại Quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc, đề nghị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét, điều chỉnh đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế của Thành phố./.